NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 06/2017/TT-NHNN	*Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2017*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-NHNN ngày 23/01/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân và Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về quỹ tín dụng nhân dân

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-NHNN ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân và Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 3 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về quỹ tín dụng nhân dân.

Điều 1. Sửa đổi Điều 4 Thông tư số 03/2014/TT-NHNN ngày 23/01/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân

Sửa đổi khoản 2 Điều 4 như sau:

"2. Việc trích nộp Quỹ bảo toàn theo quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Mức phí trích nộp hàng năm bằng 0,08% dư nợ cho vay bình quân năm liền kề trước kết thúc vào ngày 31/12 của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.

Dư nợ cho vay bình quân năm được tính bằng tổng dư nợ cho vay (nhóm 1 và nhóm 2 theo quy định về phân loại nợ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) tại thời điểm cuối mỗi tháng trong năm chia cho số tháng phải tính thực tế. Riêng đối với ngân hàng hợp tác xã, số dư nợ cho vay tại thời điểm cuối mỗi tháng được loại trừ phần dư nợ cho vay điều hòa vốn đối với các quỹ tín dụng nhân dân thành viên;

b) Việc trích nộp Quỹ bảo toàn của năm tài chính chỉ được thực hiện khi tổng nguồn vốn hoạt động của Quỹ bảo toàn trước khi trích nộp thấp hơn 1,5% tổng tài sản có của hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.

Trường hợp, sau khi trích nộp Quỹ bảo toàn của năm tài chính dẫn đến tổng nguồn vốn hoạt động của Quỹ bảo toàn cao hơn hoặc bằng 1,5% tổng tài sản có của hệ thống quỹ tín dụng nhân dân thì Ngân hàng Hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân vẫn thực hiện trích nộp Quỹ bảo toàn đối với năm tài chính đó;

c) Số tiền trích nộp Quỹ bảo toàn được hạch toán vào chi phí hoạt động của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân".

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về quỹ tín dụng nhân dân

1. Sửa đổi khoản 7 Điều 11 như sau:

"7. Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân (đối với thành viên là cá nhân, người đại diện của pháp nhân, hộ gia đình) còn hiệu lực. Đối với thành viên là cán bộ, công chức, viên chức phải có thêm giấy xác nhận nơi công tác, bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng tuyển dụng của cơ quan, đơn vị tuyển dụng".

2. Sửa đổi điểm đ khoản 4 Điều 15 như sau:

"đ) Có các quy định nội bộ theo quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát quỹ tín dụng nhân dân".

3. Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 31 như sau:

"1. Đối với cá nhân:

a) Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, đăng ký thường trú trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân;

b) Cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc tại các tổ chức, cơ quan có trụ sở chính đóng trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân. Thành viên của quỹ tín dụng nhân dân là cán bộ, công chức, viên chức không được giữ các chức danh Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát; Giám đốc, Phó giám đốc; Kế toán trưởng và các chức danh chuyên môn nghiệp vụ khác trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 2 Điều 20 Thông tư này;

c) Không thuộc các đối tượng sau đây:

(i) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang phải chấp hành bản án, quyết định về hình sự của tòa án; người đã bị kết án từ tội phạm nghiêm trọng trở lên mà chưa được xóa án tích;

(ii) Cán bộ, công chức, viên chức làm việc ở những ngành, nghề có liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật;

(iii) Sỹ quan, hạ sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp trong các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân;

d) Các điều kiện khác theo quy định của Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân.

2. Đối với hộ gia đình:

a) Là hộ gia đình có các thành viên đăng ký thường trú trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân; các thành viên trong hộ có chung tài sản để phục vụ sản xuất, kinh doanh dịch vụ của hộ gia đình;

b) Người đại diện của hộ gia đình phải được các thành viên của hộ gia đình ủy quyền đại diện bằng văn bản theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này".

4. Sửa đổi khoản 4, khoản 5 Điều 37 như sau:

"4. Quỹ tín dụng nhân dân cho vay đối với khách hàng là pháp nhân, cá nhân không phải là thành viên, có tiền gửi tại quỹ tín dụng nhân dân trên cơ sở bảo đảm bằng sổ tiền gửi do chính quỹ tín dụng nhân dân phát hành. Tổng số tiền cho vay không được vượt quá số dư của sổ tiền gửi tại thời điểm quyết định cho vay và thời hạn cho vay không được vượt quá thời hạn còn lại của sổ tiền gửi.

5. Quỹ tín dụng nhân dân cho vay thành viên của hộ nghèo có đăng ký thường trú trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân trong trường hợp hộ nghèo không phải là thành viên của quỹ tín dụng nhân dân. Trường hợp nhiều thành viên của hộ nghèo cùng vay vốn thì các thành viên của hộ nghèo cùng ký hoặc ủy quyền cho một thành viên của hộ nghèo đại diện ký thỏa thuận cho vay với quỹ tín dụng nhân dân. Hộ nghèo phải được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt. Quy trình, thủ tục, hồ sơ cho vay các thành viên hộ nghèo thực hiện theo chế độ tín dụng hiện hành áp dụng đối với thành viên".

5. Sửa đổi khoản 3 Điều 40 như sau:

"3. Được Ngân hàng Hợp tác xã hỗ trợ trong việc thực hiện kiểm toán nội bộ khi có yêu cầu".

6. Sửa đổi khoản 3 và bổ sung khoản 4 Điều 45 như sau:

"3. Việc chuyển tiếp đối với quỹ tín dụng nhân dân không đảm bảo các quy định về địa bàn hoạt động; tỷ lệ vốn góp tối đa của một thành viên; thành viên đăng ký thường trú ngoài địa bàn; tổng mức nhận tiền gửi từ thành viên thực hiện theo quy định tại các Điều 47, 47a, 48, 49 và 50 Thông tư này.

4. Quỹ tín dụng nhân dân chuyển vốn góp thường xuyên của thành viên theo quy định tại khoản 3 Thông tư số 08/2005/TT-NHNN ngày 30/12/2005 và khoản 3

Thông tư số 06/2007/TT-NHNN ngày 06/11/2007 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 48/2001/NĐ-CP ngày 13/8/2001 và Nghị định số 69/2005/NĐ-CP ngày 26/5/2005 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân thành vốn góp thường niên của thành viên theo quy định tại Thông tư này.

Trường hợp vốn góp của thành viên vượt quá tỷ lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Thông tư này, thành viên phải chuyển nhượng vốn góp cho thành viên khác, pháp nhân, cá nhân, hộ gia đình khác để góp vốn vào quỹ tín dụng nhân dân hoặc được hoàn trả vốn góp theo quy định tại Điều 30 Thông tư này trước ngày 01/10/2018".

7. Sửa đổi khoản 1 Điều 46 như sau:

"1. Tại thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành, quỹ tín dụng nhân dân chưa đảm bảo các quy định về địa bàn hoạt động, tỷ lệ góp vốn của một thành viên, thành viên đăng ký thường trú ngoài địa bàn, tổng mức nhận tiền gửi từ thành viên tại Thông tư này phải xây dựng các phương án xử lý và chủ động tổ chức thực hiện các biện pháp xử lý để tuân thủ đúng quy định".

8. Bổ sung Điều 47a vào sau Điều 47 như sau:

"Điều 47a. Quy định đối với thay đổi địa bàn hoạt động do chia, tách địa giới hành chính kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2015

1. Đối với các xã không liền kề với xã nơi đặt trụ sở chính:

a) Chấm dứt hoạt động tại các xã không liền kề với xã nơi đặt trụ sở chính theo quy định tại điểm b khoản này;

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Văn bản điều chỉnh địa giới hành chính của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực thi hành hoặc 30 ngày kể từ ngày 01/9/2017 (đối với trường hợp Văn bản điều chỉnh địa giới hành chính có hiệu lực thi hành trước ngày 01/9/2017, quỹ tín dụng nhân dân phải xây dựng phương án chấm dứt hoạt động tại các xã không liền kề với xã nơi đặt trụ sở chính, gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính. Phương án chấm dứt phải có tối thiểu các nội dung sau đây:

(i) Văn bản của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc điều chỉnh địa giới hành chính;

(ii) Thực trạng hoạt động tại địa bàn xã không liền kề;

(iii) Kế hoạch, biện pháp xử lý, kể cả tổ chức lại dưới hình thức chia, tách theo quy định của pháp luật để chấm dứt hoạt động tại xã không liền kề trong thời gian tối đa 36 tháng kể từ ngày Văn bản điều chỉnh địa giới hành chính có hiệu lực thi hành

hoặc kể từ ngày 01/9/2017 (đối với trường hợp Văn bản điều chỉnh địa giới hành chính có hiệu lực thi hành trước ngày 01/9/2017).

2. Đối với các xã liền kề với xã nơi đặt trụ sở chính:

a) Quỹ tín dụng nhân dân được hoạt động tại các xã liền kề với xã nơi đặt trụ sở chính, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Trường hợp tại thời điểm Văn bản điều chỉnh địa giới hành chính của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực thi hành hoặc kể từ ngày 01/9/2017 (đối với trường hợp Văn bản điều chỉnh địa giới hành chính có hiệu lực thi hành trước ngày 01/9/2017), quỹ tín dụng nhân dân đang thực hiện phương án theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 47 Thông tư này thì thực hiện theo phương án xử lý đã báo cáo".

9. Sửa đổi Điều 52 như sau:

"Điều 52. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan

1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng:

a) Đầu mối tiếp nhận báo cáo của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo quy định tại điểm b, điểm d khoản 2 Điều này và theo quy định của pháp luật;

b) Thanh tra, giám sát, xử lý đối với các hành vi vi phạm của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh, thành phố nơi có Cục thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính nơi có Cục thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc thực hiện quy định về chuyển tiếp và xử lý sau chuyển tiếp tại các Điều 46, 47, 47a và Điều 51 Thông tư này;

d) Chủ trì phối hợp với các Vụ, Cục thuộc Ngân hàng Nhà nước trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét các vấn đề có liên quan đến việc thành lập, tổ chức và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân.

2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Quản lý, thanh tra, giám sát, xử lý đối với các hành vi vi phạm của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh, thành phố nơi không có Cục thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Thẩm định, cấp Giấy phép, chấp thuận danh sách những người được dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân; xác nhận việc đăng ký Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại Thông tư này; Trong thời hạn tối đa 15 ngày kể từ ngày cấp Giấy phép báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) kết quả việc cấp Giấy phép quỹ tín dụng nhân dân;

c) Có văn bản lấy ý kiến:

(i) Ủy ban nhân dân xã về việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn, danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân;

(ii) Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam đối với danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân (nếu thấy cần thiết);

(iii) Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng quy định tại điểm c(iii) khoản 1 Điều 12 Thông tư này;

d) Chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra quỹ tín dụng nhân dân trong việc thực hiện quy định về chuyển tiếp và xử lý sau chuyển tiếp tại các Điều 46, 47, 47a và Điều 51 Thông tư này. Định kỳ hàng quý, trong thời gian 15 ngày đầu tiên của tháng đầu tiên của quý, có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) về tình hình thực hiện quy định chuyển tiếp của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn.

3. Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam:

a) Hướng dẫn thống nhất trong hệ thống quỹ tín dụng nhân dân việc thiết kế, in ấn Thẻ thành viên theo quy định tại khoản 5 Điều 28 Thông tư này;

b) Có ý kiến tham gia bằng văn bản đối với danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân khi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc quỹ tín dụng nhân dân yêu cầu.

Điều 3. Bãi bỏ khoản 16, khoản 22 Điều 11 và khoản 3 Điều 16 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về quỹ tín dụng nhân dân.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

2. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Ngân hàng Hợp tác xã, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Nguyễn Đồng Tiến